

TỦ SÁCH DỊCH THUẬT

Dịch-giã :

TRẦN-KHÁI-VĂN

TRƯỜNG VIÊN-ĐÔNG BẮC-CÔ

LÊ-TRIỀU
GIÁO-HÓA ĐIỀU-LUẬT

TỨ THẬP THẤT ĐIỀU

BỐN MƯƠI BẢY ĐIỀU LUẬT ĐỂ DẠY
DÂN DƯỚI TRIỀU LÊ



= 1962 =

BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN

Dịch-giả :
TRẦN-KHAI-VĂN
TRƯỞNG VIÊN-ĐỒNG BÁC-CỔ

S2 (2)
L250T

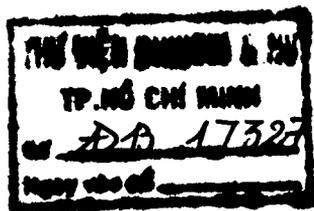
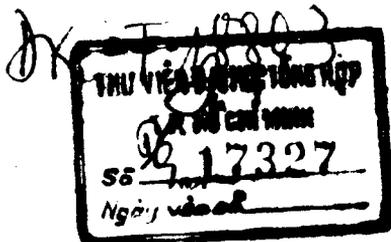


LÊ-TRIỀU

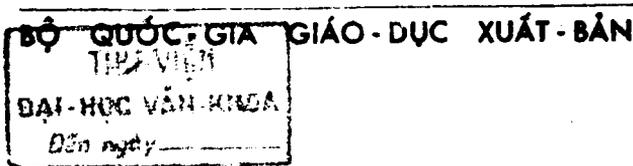
GIÁO-HÓA ĐIỀU-LUẬT

TỨ THẬP THẤT ĐIỀU

BỐN MƯƠI BẢY ĐIỀU LUẬT ĐỂ DẠY
'DÂN DƯỚI TRIỀU LÊ



= 1962 =



黎朝教化條律

(四十七條)

景治元年秋七月定。

明二坊拘至所廢
申憲內日周知有
再承屬之明染或
天行飭田詳目福
春遵通社誘濡之
辰奉官福引耳平
庚欽州祈解鼓昇刑
年吏縣旦講慈享國
一官府節三蒙均文
十門責於再童俗具
二衙分長小婦厚爲
興該各寨大愚歸視
景交官庄女夫同遵
送等村男愚懲不
轉司社集使勸格

LÊ-TRIỀU GIÁO-HÓA ĐIỀU-LUẬT

(TỪ THẬP THẤT ĐIỀU)

PHIÊN ÂM

Cảnh-Trị nguyên niên thu thất nguyệt định.

Cảnh-Hung nhị thập nhất niên canh-thìn xuân thiên tái thân mình chuyển tống giao cai nha môn quan lại khâm phụng tuân hành. Thừa Hiến nhị ty đảng quan các phân trách phủ huyện châu quan thông sức thuộc nội phòng xã thôn trang trại trường ; ư Tiết-dân, Kỳ-phúc, xã điền chi nhật câu tập nam nữ đại tiểu, tái tam giảng giải, dẫn dụ trường mini chu chí, sử ngu phu ngu phụ đồng mừng chương khái, nhi nhu mục nhiệm, tri sở khuyến trừng, đồng qui hậu tục quân hưởng thăng bình chi phúc. Hoặ hữu phé cách bất tuân thị vi cụ vấn quốc hình cụ tại.

LÊ-TRIỀU GIÁO-HÓA ĐIỀU-LUẬT

(47 ĐIỀU)

BỐN MƯƠI BẢY ĐIỀU LUẬT ĐỂ DẠY - DỠ DÂN DƯỚI TRIỀU LÊ

LỜI MỞ ĐẦU

Giáo-điều này được qui-định vào khoảng mùa thu tháng 7 năm Cảnh-trị nguyên niên (1663), đến mùa xuân năm Cảnh-Hưng 21 (1760) lại được sửa-đổi rõ-ràng rồi chuyển tống cho các Nha môn quan lại tuân hành. Các quan trong hai Ty Thừa Hiển sẽ phân-phó trách-nhiệm cho các quan phủ, huyện, châu phải thông-súc đi các phường, xã, thôn, trang, trại trường trong hạt biết rằng : kể đến những ngày tế-lễ Kỳ-phúc, Xã-điền Nguyên-đán v. v. thì phải tập hợp tất cả nam, phụ, lão, ấu lại, rồi giảng-giải khuyên-nhủ cho thực kỹ-càng, để cho những hạng ngu-phu, ngu-phụ, và hạng trẻ thơ ngày đại được thấm sâu vào tai mắt, để chúng hiểu rõ những điều khuyên-răn, ngõ hầu quay về phong-tục thuần-khấu, cùng nhau hưởng phúc thanh bình. Nếu có kẻ nào ngang-ngạnh không tuân, và coi là việc làm chiếu lệ, thì sẽ bị trừng-trị theo pháp luật.

第一條：

爲人臣當盡忠効力文則履公奉正格
勤職業其議事則獻可替否使皆中理不
雷同緘默無所建明其勤訟則分別善惡使
各伸情不可偏爲財義樹恩結黨武則衛內
捍外叶心同力其治兵則講辰練法使悉精
銳不可廢弛教習不明行伍其該民則寬征
舒力使能被澤不可脅威詐力務行苛虐務
盡爲臣之道

Phiên âm

Đề nhất điều :

Vi nhân thân đương tận trung hiệu lực. Văn tắc lý công phụng chính, khác cần chức nghiệp; kỳ nghị sự tắc hiển khả thể phủ. sử giai trung lý, bất khả lời đồng giam mặc. vô sở kiến minh. Kỳ khám tụng tắc phân biệt thiện ác, sử các thân tình, bất khả thiên vị tài nghĩa thụ án kết đảng. Vô tắc vệ nội hãn ngoại, hiệp tâm đồng lực, kỳ trị binh tắc giảng thời luyện pháp, sử tất tinh nhuệ, bất khả phế thi, giáo tập, bất minh hàng ngũ. Kỳ cai dân tắc khoan chính thư lực, sử năng bị trách bất khả hiếp uy trá lực vụ hành hà ngược, vụ tận vi thân chí đạo.

Dịch nghĩa

Điều thứ 1 :

Người làm tôi phải nên tận-trung gắng sức.

Quan văn thì phải giữ mực công-bằng, siêng-năng, thận-trọng ; trong lúc nghị sự thì phải hiện những điều hay bỏ những điều dở, khiến cho việc gì cũng được hợp lý, đừng nên a-dua hay là mặc-nhiên không chịu bày-tỏ phân - minh. Khám-xét việc kiện-tụng thì phải phân-biệt người thiện kẻ ác, khiến cho ai nấy đều được thỏa tình. Không nên thiên vị về tiền - tài, tình-nghĩa hay giéo ơn kết đảng.

Quan võ thì có bốn phận bảo vệ bên trong, chống chọi bên ngoài, cần phải đồng - tâm hiệp - lực. Trong lúc trị binh phải nên giảng luyện thiên thời trận pháp cho được hết thầy tinh-nhuệ. Chớ đừng trễ nải công việc huấn luyện, để cho đến nỗi hàng ngũ không được phân minh.

Còn việc cai-trị dân, hãy có độ-lượng và lòng bao dung trong việc thâu-thuế, trưng dịch, để cho trăm họ được thành - thoi đôi chút và được thụ-hưởng ân đức của tráo-dình. Không được uy-hiếp dân ; dả dối mang uy-lực ra để mà hà - khắc, ngược - đãi dân.

Làm cho tròn nhiệm-vụ, đó là bốn phận của kẻ làm tôi.

*

* *

第二條：

爲子當孝敬父母如見父母年老當晨昏奉養不可缺乏并不得分從諸子服作勞役始供飲食其喪祭惟本於禮以盡爲子之道

Phiên âm

Đệ nhị điều :

Vi tử đương hiếu kính phụ mẫu, như kiến phụ mẫu niên lão, đương thần hôn phụng dưỡng, bất khả khuyết pháp, tính bất đắc phân tòng chư tử phục tác lao dịch thủy cung ẩm thực ; kỳ tang tế duy bản ư lễ, dĩ tận vi tử chi đạo.

Dịch nghĩa

Điều thứ 2 :

Làm con phải hiếu-kính cha mẹ. Nếu cha mẹ già lão, con phải sớm tối hết lòng phụng-dưỡng, chớ có khiếm khuyết. Không được cư-xử với cha mẹ giống như cách đối-đãi với các con, chỉ cung-phụng cơm nước khi nào bậc phụ - mẫu có làm - lụng khó nhọc thôi. Về việc tang, tế, phải nhớ lấy điều lễ làm gốc. Ăn ở như vậy mới tròn bổn phận làm con.

第三條：

為兄弟當相和睦兄則愛其弟弟則恭其兄勿咱
婦言而忘骨肉之義

Phiên âm

Đệ tam điều :

Vi huynh đệ đương tương hòa mục, huynh tắc ái
kỳ đệ, đệ tắc cung kỳ huynh, vật thính phụ ngôn nhi
vong cốt nhục chi nghĩa.

Dịch nghĩa

Điều thứ 3 :

Anh em phải hòa-mục với nhau ; anh phải yêu em,
em phải kính-trọng anh. Chớ nên nghe lời đàn-bà mà
lãng quên tình cốt-nhục.

* * *

第四條：

為夫婦則當敬愛篤於恩義夫當修整閨門以德
化率不可耽淫酒色婦須奉事舅姑無違夫子不可逞
其疾妬并不可厭其貧薄胥相背棄致傷風化

Phiên Âm

Đệ tứ điều :

Vi phu phụ tác đương kính ái, đốc ư ân nghĩa, phu đương tu chỉnh khuê môn, dĩ đức hóa suất, bất khả đam đắm tửu sắc ; phụ tu phụng sự cữu cô, vò vi phu tử, bất khả sinh kỳ tật đổ, tinh bất khả yếm kỳ bản bạc, tư tương bội khí, tri thương phong hóa.

Dịch nghĩa

Điều thứ 4 :

Vợ chồng phải kính yêu lẫn nhau ; hết sức chú trọng vào đường ân - nghĩa. Chồng nên tu - chỉnh nơi khuê môn. dùng đức-độ để răn-bảo ; chớ nên say-dắm đam-ô, tửu sắc. Vợ phải hầu-hạ bố mẹ chồng, không được trái lời chồng, không được ghen tuông quá đáng. Cũng không nên nản lòng vì cảnh túng-bần của nhà chồng mà đi tới chỗ khinh bỏ nhau làm tổn thương tới nền phong-hóa.

* * *

第五條：

為朋友當止於信相責以善相規以正不可引誘
非道及見小益反相棄背以虧朋友之義

Phiên âm

Đề ngũ điều :

Vi bằng hữu đương chỉ ư tín, tương trách dĩ thiện, tương qui dĩ chính, bất khả dẫn dụ phi đạo, cấp kiến tiểu ích, phản tương khí bội, dĩ khuy bằng hữu chi nghĩa.

Dịch nghĩa

Điều thứ 5 :

Bè bạn với nhau nên lấy chữ «tín» làm gốc ; nên lấy điều thiện, điều ngay mà khuyên bảo lẫn nhau. Chớ nên dụ-dỗ nhau làm điều trái đạo, và gặp mỗi lợi nhỏ lại phản - bội nhau ; như thế tình nghĩa bạn hữu sẽ không còn trọn vẹn nữa.

*
* * *

第六條：

爲父母當先修其身以齊其家男教以義方女教以工則勿許耽淫酒色賭博鬪棋及遊戲淫蕩有傷風化若父不能教訓男女不能自從許坊社村長引告該衙門小則撲教痛懲大則糾衆治罪

Phiên âm

Đệ lục điều :

Vi phụ mẫu dương tiên tu kỳ thân dĩ tề kỳ gia, nam giáo dĩ nghĩa phương, nữ giáo dĩ công tác, vật hứa đam đam tửu sắc, đồ bác đấu kỳ, cập du hí đàm dăng, hữu thương phong hóa. Nhược phụ bất năng giáo huấn, nam nữ bất năng thính tông, hứa phường xã thôn trưởng dẫn cáo cai nha - môn. Tiểu tắc phác giáo thống trưng, đại tắc củ cử trị tội.

Dịch nghĩa

Điều thứ 6 :

Bổn-phận của cha mẹ là phải tu thân sửa mình trước để có thể tề gia. Con trai thời phải dạy-đỗ cho chúng theo đường lễ-nghĩa : con gái thời phải học thủ-công và nữ-tắc. Phải ngăn cấm, không cho chúng đắm - say tình-dục, tửu-sắc, cờ bạc, chơi cờ và mọi cuộc du-hý, quen phóng - dăng để hại tới nền phong - hóa. Nếu cha mẹ không răn bảo được con, hay nếu con cái không vâng lời cha mẹ, hãy đề cho phường-trưởng, xã-trưởng hay thôn - trưởng dẫn trình nơi nha - môn để trị tội ; tội nhỏ thời dùng roi-vọt, tội lớn thời xét - xử và nghiêm trị

*

*

*

第七條：

爲師生各當盡其道師則先務正己以爲士子矜式門生則尊敬其師勉敦定學以德行爲本不可從事於末背慢其師及遺棄禮法僥倖代試違者抵罪

Phiên âm

Đệ thất điều :

Vi sư sinh các đương tận kỳ đạo. Sự tắc tiên vụ chính kỹ dĩ vi sĩ tử cặng thức. Môn sinh tắc tôn kính kỹ sư, miễn đôn thực học dĩ đức hạnh vi bản, bất khả tông sự ư mật, bội mạn kỹ sư, cập di khí lễ pháp, kiêu hành đại thí, vi giả dề tội.

Dịch nghĩa

Điều thứ 7 :

Thầy và trò, ai nấy đều phải làm tròn bổn-phận của mình. Trước hết, thầy phải nghiêm - ngặt giữ lấy mình cho được đứng-dẫn, chính-trung, để làm gương-mẫu cho bầy sĩ-tử. Môn-sinh thời phải kính - tôn bậc sư-huynh, phải siêng-năng trau-giồi lấy thực-học, phải lấy đức-hạnh làm căn-bản ; chớ nên làm những điều hèn mọn, không được phàn - bội sư - huynh hay coi thường lễ-phép, không được coi việc thi-cử như sự cầu may. Những kẻ nào vi phạm luật này, sẽ bị trị tội.

第八條：

爲家長當躬行禮法以齊其家使一家之人有所視效不可自壞禮法有唱辭器并朝夕教訓子弟使服勤家事勿惰四肢無作姦非致陷刑辟若不能教訓者抵罪

Phiên âm

Đề bát điều :

Vi gia trưởng đương cung hành lễ pháp dĩ lễ kỳ gia, sử nhất gia chi nhân hữu sở thị hiệu, bất khả tự hoại lễ pháp, thủ xướng tề đoan, tinh triều tịch giáo huấn tử đệ, sử phục cần gia sự, vật nọa tứ chi, vô tác gian phi, trí hãm hình tích. Nhược bất năng giáo huấn giả đề tội.

Dịch nghĩa

Điều thứ 8 :

Muốn tề gia, gia-trưởng phải chính mình thi-hành lễ-phép trước, đề cho mọi người trong nhà noi gương. Chớ nên tự mình phá-hoại lễ-pháp, thủ - xướng ra các tề-đoan. Ngoài ra, sớm chiều cần phải dạy-dỗ con em, đề chúng siêng-năng việc nhà, đừng đề cho chúng lười-nhác, uể-oải, và làm những sự gian-phi, đến nỗi mắc vào tội-lỗi. Nếu không giáo - huấn được con em thì người gia-trưởng cũng sẽ phải chịu tội đó.

第九條：

爲子弟當尊敬兄長有飲食則讓其飯見負戴則代其勞不可恃富貴同席而坐同盤而食以失人倫之道

Phiên âm

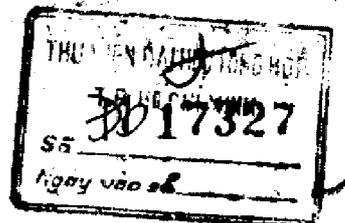
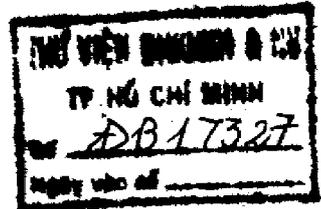
Đệ cửu điều :

Vi tử đệ đương tôn kính huynh trưởng, hữu ẩm thực tắc nhượng kỳ phạn, kiến phụ đới tác đại kỳ lao, bất khả thị phú quý, đồng tịch nhi tọa, đồng bàn nhi thực, dĩ thất nhân luân chi đạo.

Dịch nghĩa

Điều thứ 9 :

Con em trong nhà thời phải tôn-kính bậc huynh-trưởng ; khi ẩm-thực phải nên nhường-nhịn, khi thấy mang nặng phải giúp - đỡ. Không được cậy mình giàu sang mà ăn cùng mâm, ngồi cùng hàng, làm mất luân-thường đạo-lý.



第十條：

爲人婦當以順從爲務敬事舅姑和睦兄弟不可恃其父母富貴而詆侮其夫高聲大語姑得任情動輒

求出并有過失而父母及夫教戒當革心改過不得益
肆忿心反相背罵或奔竄道途或偷寓鄰家馴致淫風
有傷婦道違者許坊社村長引呈該衙門官痛治

Phiên âm

Đệ thập điều :

Vi nhân phụ đương dĩ thuận tông vi vụ. kính sự
cửu cô, hòa mục huynh đệ, bất khả thị kỳ phụ mẫu phú
quí, nhi đề vũ kỳ phu, cao thanh đại ngữ, đổ hân
nhiệm tình, động triếp cầu xuất. Tính hữu qua thất,
nhi phụ mẫu cấp phu giáo giới, đương cách tâm cải
quá, bất đắc ích tứ phần tâm, phản tương bội mạ,
hoặc bôn soạn đạo đồ, hoặc thâu ngụ lân gia, tuần trí
dâm phong, hữu thương phụ đạo, vi giả hứa phùng
xã thôn trường dẫn trình cai nha-môn quan thống trị.

Dịch nghĩa

Điều thứ 10 :

Đạo làm dâu phải lấy hai chữ « thuận tông » làm
trọng ; phải một niềm kính-phụng cha mẹ chồng, hòa
mục với anh em chồng. Chớ nên cậy thế phụ-mẫu mình
giàu-sang mà nhiếc móc chồng hay tỏ vẻ khinh-nhờn
chồng ; không được la lối om-sòm, hay có chuyện nhỏ
mọn gì là dọa dòi về nhà mình. Ngoài ra, khi có lỗi,
được cha mẹ và chồng khuyên răn, nên vui lòng hối

cải ; chớ nên hôn giận, càn rỡ, cãi lộn lại hay chạy ra bêu xấu ngoài đường ngoài ngõ, hoặc lẫn trốn sang nhà bên cạnh, lằng lằng gây nên thói tà dâm, có hại cho đạo làm vợ. Thấy kẻ có lỗi, phường-trưởng, xã - trưởng thôn - trưởng phải dẫn đến cửa quan để phạt đòn.

* * *

第十一條：

婦人孀居不得招致童男詐稱義養外則陽敦恩義內則陰肆姦淫違者許坊社村長捉送該衙門官嚴治

Phiên âm

Đệ thập nhất điều :

Phụ nhân sương cư hất đặc chiêu tri đồng nam, trá xưng nghĩa dưỡng, ngoại tắc đương đôn ân nghĩa, nội tắc âm tứ gian dâm, vi giả hứa phường xã thôn trưởng tróc tổng cai nha-môn quan nghiêm trị.

Dịch nghĩa

Điều thứ 11 :

Đàn-bà góa mà ở vậy, không được rước trai-trẻ về nhà nuôi dưỡng, nhận xàng làm con nuôi ; bề ngoài

giả dạng phò-trương ân-nghĩa, phía trong kín-đáo tà-dâm. Ai phạm lỗi, sẽ bị nghiêm trị.

* * *

第十二條：

婦人不幸其夫早亡未有子媳當居夫家喪祭如法不得喪中挾取貨物歸父母家違者許親戚投告治以重罪

Phiên âm

Đệ thập nhị điều :

Phụ nhân bất hạnh kỳ phu tảo vong, vị hữu tử tỳ đương cư phu gia, tang tế như pháp, bất đắc tang trung hiệp thủ hóa vật qui phụ mẫu gia, vi giả, hừa thân thích đầu cáo, trị dĩ trọng tội.

Dịch nghĩa

Điều thứ 12 :

Người đàn-bà nào không may chồng mất sớm, tuy chưa có con cái, cũng nên ở lại nhà chồng mà làm tang-tế cho đủ phép. Trong khi có tang, không được lấy trộm của-cải chớ về nhà cha mẹ mình. Kẻ nào vi phạm, cho phép họ-hàng, thân-thích đầu cáo ; kẻ đó sẽ bị tội nặng.

第十三條：

婦人不幸夫死或有別妻諸子宜愛恤如一不得懷私心挾取財產陰有外情違理亂常有傷風化違者許族長及坊社村長捉送該衙門官治罪

Phiên âm

Đề thập tam điều :

Phụ nhân bất hạnh phu tử, hoặc hữu biệt thê chư tử, nghi ái tuất như nhất, bất đắc hoài tư tâm, hiệp thủ tài sản, âm hữu ngoại tình, vi lý loạn thường, hữu thương phong hóa. Vi giả, hứa tộc trưởng cấp phường xã thôn trưởng tước tổng cai nha-môn quan trị tội.

Dịch nghĩa

Điều thứ 13 :

Sương-phụ nào mà chồng chết đi, còn để lại con riêng, nên thương yêu chúng như con đẻ ; không được mang lòng vị-kỷ mà dấu-diếm lấy hết của-cái tài-sản ; không được lên lút ngoại tình mà trái với luân thường đạo lý, và làm tổn thương nền phong-hóa. Kẻ nào phạm tội. tộc-trưởng, hay phường-trưởng, xã-trưởng, thôn-trưởng phải bắt giải lên quan để trị tội.

第十四條：

居鄉黨當長幼有序以禮義廉耻胥相教訓爲之長者當幼其幼不可恃年長而有欺侮之心爲之幼者宜長其長不可恃其豪富而有驕慢之態若祈福宴飲等日當敬讓其長不可以酒肉之故致生嫌隙以乖鄉黨之義

Phiên âm

Đệ thập tứ điều :

Cư hương đảng, đương trưởng ấu hữu tự, dĩ lễ nghĩa liêm sỉ, tư tương giáo huấn, vi chi trưởng giả, đương ấu kỳ ấu, bất khả thị niên trưởng, nhi hữu khi vũ chi tâm. Vi chi ấu giả, nghi trưởng kỳ trưởng, bất khả thị kỳ hào phú nhi hữu kiêu mạn chi thái. Nhược kỳ phúc yến ẩm đảng nhật, đương kính nhượng kỳ trưởng, bất khả dĩ tửu nhục chi cố, tri sinh hiềm khích, dĩ quai hương đảng chi nghĩa.

Dịch nghĩa

Điều thứ 14 :

Những người cùng ở một làng, phải phân chia thứ-bực theo tuổi-tác ; già trẻ hãy lấy lễ, nghĩa, liêm, sỉ mà dạy bảo lẫn nhau, Những người lớn tuổi đàn anh thời phải coi những người trẻ như con em mình ; chớ

nén cây mình lớn tuổi mà đem lòng dè-bíu cùng hiếp-dáp người dưới. Trẻ thời phải kính trọng bậc đàn anh, coi trọng như phụ-huynh của mình vậy ; chớ nên ỷ vào sự hào-phú mà có những thái-độ kiêu - căng. Gặp những ngày lễ cầu phúc hay có hội - hè người trẻ phải kính nhường người già ; chớ nên vì rượu thịt mà sinh thù-hiềm ; như thế là không trọn tình-nghĩa đồng hương vậy.

*
* *

第十五條：

居鄉黨見使所當興如田畔田界水竇水關堤路溝渠等處當培堅定以防旱潦可決則決可塞則塞并力以行之見害所當除如野獸害稼猛獸害人當馳告該衙門并力以去之若盜賊豪橫各色等人則引呈該衙門區處不得隱縱以害良民

Phiên âm

Đệ thập ngũ điều :

Cư hương đảng kiến tiện sở đương hưng, như điền bần, điền giới, thủy đậu, thủy-quan, đê lộ cầu cửu đẳng xứ, đương bồi kiên thực dĩ phòng hạn潦, khả quyết tắc quyết, khả tắc tắc tắc, tinh lực dĩ hành chi, kiến hại sở đương trừ, như dã thú hại giá, mãnh thú hại nhân,

đương trì cáo cai nha - môn, tính lực dĩ khứ chi. Nhược đạo tặc hào hoành, các sắc đẳng nhân, tắc dẫn trình cai nha - môn khu xử, bất đắc ần túng dĩ hại lương dân.

Dịch nghĩa

Điều thứ 15 :

Phàm là người cùng làng, khi thấy điều gì có ích lợi chung, nên đề-xướng và thi-hành, như bờ ruộng, điền giới, những cửa cống, lỗ dò, đê, lộ, cừ cầu v. v.... nơi nào đáng bồi đắp cho được kiên-cố đề đề-phòng những khi đại hạn hoặc nạn hồng - thủy ; những chỗ nào đáng khơi, thời phải khơi ngay ; những nơi nào đáng lấp thời lấp ; phải ra công góp sức mà làm. Thấy cái gì có hại, nên diệt-trừ ngay, như thấy vật gì có hại cho lúa - má mùa - màng, loài mãnh - thú nào nguy hại cho người, phải phi-báo ngay cho nha-môn quản hạt mình, đề cùng góp sức tiêu-trừ nạn đó. Nếu thấy những kẻ có bề thế ngang-tàng, trộm cướp hoặc lính tráng làm bậy, phải bắt dẫn trình quan đề khu-xử ; không được dấu-diếm hay dung-túng mà có hại cho lương dân.

* * *

第十六條：

居鄉黨不可恃其豪強兄弟衆多輕侮社長私以

詞訟自為理斷欺蔑鰥寡肆行毆罵某社有此等人許
社長引呈治罪

Phiên âm

Đệ thập lục điều :

Cư hương dăng bắt khả thị kỳ hào cường, huynh
đệ chúng đa, khinh vũ xã trưởng, tư dĩ từ tụng, tự vi
lý đoán, khi miệt quan quả, tứ hành ầu mạ, mô xã
hữu thử dăng nhân, hứa xã trưởng dẫn trình trị tội.

Dịch nghĩa

Điều thứ 16 :

Người ở cùng làng chớ nên cậy mình giàu có, mạnh
cánh, anh em đông-đúc mà khinh-rẻ xã-trưởng, tự đảm
đương lấy việc tố-tụng xử - kiện, tự mình phán-đoán :
hăm dọa người hóa vợ, kẻ góa chồng, lộng-hành chửi-
bới người làng.. Nếu có hạng người này, xã-trưởng
phải dẫn trình lên quan để trị tội.

*
* * *

第十七條：

為鄉長於鄉內或有不平事當平心率物講解調
和不得自為教唆使人爭訟并擔當首唱訟謀及自立

私約脅捉財物指賣田池土宅罄竭家財并禁錮水火
除外鄉飲有乖法律違者投告衙門拿送治罪

Phiên âm

Đệ thập thất điều :

Vi hương trưởng ư hương nội, hoặc hữu bất bình sự, dương binh tâm suất vật, giảng giải điều hòa, bắt dắc tự vị giáo loa, sử nhân tranh tụng, tính đảm đương thủ xướng tụng mưu, cập tự lập tư ước, hiếp tróc tài vật, chỉ mãi diền tri thổ trạch, khánh kiệt gia tài, tính cấm cố thủy hỏa, trừ ngoại hương âm, hữu quai pháp luật, vi giả đầu cáo nha môn nã tổng trị tội.

Dịch nghĩa

Điều thứ 17 :

Làm hương - trưởng, nếu thấy trong làng có việc bất bình, nên lấy công-tâm mà xử-xét, nên giảng-giải và gắng xử hòa. Không được mách-bảo, sui-dục khiến cho người ta kiện tụng lẫn nhau : không được đảm-đương, thủ-xướng việc tranh-tụng, mưu-mô, cùng tự lập lấy các tư-ước, hiếp-đáp và bóc lột tài vật, không được đứng trung gian đề mách - bảo việc bán ruộng, ao, nhà cửa khiến cho người ta khánh - kiệt gia - sản, cùng là cấm - đoán tất cả mọi sinh-kế. Ngoại trừ việc hương - âm ra, nếu có sự gì trái luật, hay có ai lỗi, thời phải báo cho nha-môn để bắt đi trị tội.

第十八條：

鄉黨或有戶婚田土人命及諸雜訟已有該衙門官隨公勘行某本社村官豪右及另項不得私立衙門勾勘諸訟不分直枉橫捉錢財破竭家產違者抵罪

Phiên âm

Đề thập bát điều :

Hương đảng hoặc hữu hộ hôn điền thổ nhân mệnh, cập chur tạp tụng, dĩ hữu cai nha-môn quan tùy công khám hành, mỗ bản xã thôn quan hào hữu cập lãnh hạng, bất đắc tư lập nha môn, câu khám chur tụng, bất phân trực uổng, hoành tróc tiền tài, phá kiệt gia sản, vi giả đề tội.

Dịch nghĩa

Điều thứ 18 :

Trong làng, nếu có tranh-tụng về nhà cửa, hôn-nhân, điền-thổ, nhân-mạng hay về các vấn-dề khác, thời đã có quan-nha nơi địa-hạt ấy xét-xử theo công-lý. Các cường-hào, hưu quan hay các hạng người có thế-lực khác, không được tự-kỷ thành-lập một nơi công-đường, tùy ý bắt người và xét-xử, mọi việc tranh-tụng chẳng phân phải trái, chỉ biết bắt bớ càn dễ tróc nã tiền của, sang đoạt tài-sản, khiến cho lương dân phải vong gia bại sản. Những kẻ nào phạm tội này sẽ bị trừng trị.

第十九條：

居鄉黨男子不得肆其凶黠無故毆人女子不得高聲大語罵其鄉里并不得生遊戲淫蕩偷竊財物某社有此等人許社村長引呈治罪

Phiên âm

Đệ thập cửu điều :

Cư hương đảng nam tử bất đắc tứ kỳ hung hiệt. vô cố ấu nhân, nữ tử bất đắc cao thanh đại ngữ, mạ kỳ hương lý, hình bất đắc sinh du hí dâm dăng, thâu thiết tài vật, mỗ xã hữu thử đẳng nhân, hứa xã thôn trưởng dẫn trình trị tội.

Dịch nghĩa

Điều thứ 19 :

Trai-tráng trong làng không được càn-rõ, cậy mình hung-hiệt, vô cố đánh người. Đàn-bà con gái không được già mồm chửi mắng những người hàng xóm láng giềng; không được bày vẽ ra những trò chơi dâm-dăng; không được sang đoạt, trộm cắp đồ-dạc của-cái. Xã nào có những loại người như thế, cho phép xã-trưởng, thôn-trưởng bắt dẫn lên trình quan đề trị tội

第二十條：

居鄉村當秉心公正別白是非曲直如
爭訟為證借當以寔對不可私徇財貨黨邪
害正違者治罪

Phiên âm

Đề nghị thập điều :

Cư hương thôn đương bình tâm công chính, biệt bạch thị phi khúc trực, như tranh tụng vi chứng tá, đương dĩ thực đối, bất khả tư tuần tài hóa, đảng tà hại chính, vi giả trị tội.

Dịch nghĩa

Điều thứ 20 :

Những ai cùng ở với nhau một làng, một xóm, thời nên luôn luôn giữ vững một lòng công-chính ; nên biết phân-biệt lời thị - phi với điều ngay lẽ phải. Nếu gặp phải việc kiện-tụng, và phải đi làm chứng, thời cứ đúng sự thực mà cung - khai ; chớ nên tham tiền của mà kết bè kết đảng với kẻ gian-tà để làm hại những người lương thiện, ngay thẳng. Ai làm trái luật này sẽ bị trị tội.

第二十一條：

居鄉村近於道路去處可置亭館者隨便構作以便往來諸人宿泊并沿途家居暮夜之間見人暫來宿泊不得斥拒其本家及鄉里人當審察明白以防姦非若見婦人投宿則謹其關防不得自肆邪心并縱親戚外人強行淫污以取罪戾

Phiên âm

Đề nghị thập nhất điều :

Cư hương thôn cận ư đạo lộ khứ xứ, khả trí đình quán giả, tùy tiện cấu tác dĩ tiện vãng lai chư nhân túc bạc, tính duyên đồ gia cư, mộ gia chi gian, kiến nhân tạm lai túc bạc, bất đắc xich cư, kỳ bản gia cập hương lý nhân đương thâm sát minh bạch, dĩ phòng gian phi. Nhược kiến phụ nhân đầu túc, tắc cần kỳ quan phòng, bất đắc tự tứ tà tâm, tình túng thân thích ngoại nhân cưỡng hành dâm ô, dĩ thủ tội lệ.

Dịch nghĩa

Điều thứ 21 :

Những làng xóm nào ở gần nơi ngã ba đường, nơi đi lối lại, nên chọn chỗ nào có thể xây cất được đình, quán mà tùy nghi dựng lên, để cho các khách bộ-hành có nơi nghỉ chân hoặc ngủ đỗ. Những nhà nào ở nơi

gần đường đi lối lại, gần nơi trú quán, nếu về chiều tối mà thấy có người đến ngủ trọ, thời không được gạt đuổi họ đi. Trái lại phải hiệp lực với hương-trưởng để kiểm-soát nghiêm-ngặt để phòng ngừa những kẻ gian-phi. Nếu có đàn-bà con gái đến trú trọ, lại càng phải hết sức thận-trọng việc tuần-phòng. Không được nổi lòng tà-tâm mà làm điều càn-rỡ; không được dung-túng người nhà hay người ngoài đến đó cưỡng-bách dâm-ô, mà mang lấy tội lỗi vào thân.

*
* *

第 二 十 二 條 :

鄉村道路已有界限如有侵占爲私以致狹隘者
許社村長勘度再還舊界以便往來若強者引呈治罪

Phiên âm

Đệ nhị thập nhị điều :

Hương thôn đạo lộ dĩ hữu giới hạn, như hữu xâm chiếm vi tư, dĩ trí hiệp ải giả, hứa xã thôn trưởng khám đạc, tái hoàn cựu giới, dĩ tiện vãng lai, nhược cưỡng giả dân trình trị tội.

Dịch nghĩa

Điều thứ 22 :

Những đường lối ở trong làng đều có giới - hạn

phân-dịnh sẵn rồi ; nếu có kẻ nào xâm chiếm làm của riêng, khiến eo sự đi lại bị chật hẹp, bế-tắc, thời xã-trưởng, thôn-trưởng được phép khám-xét và đo lại nơi đó để tái-lập giới-hạn cũ, khiến cho sự giao-thông được tiện-lợi như xưa. Nếu ai cưỡng lại, thời điệu lên trình quan để trị tội.

*
* * *

第二十三條：

鄉村原有溪港當開通以便舟筏往來若有填者再疏以通水道不可私占爲池沼以取罪戾

Phiên âm

Đệ nhị thập tam điều :

Hương thôn nguyên hữu khe cãng, đương khai thông, dĩ tiện chu phiệt vãng lai, nhược hữu điền giả, tái sơ dĩ thông thủy đạo, bất khả tư chiếm vị trí chiểu, dĩ thủ tội lệ.

Dịch nghĩa

Điều thứ 23 :

Làng nào vốn sẵn có khe, ngòi, nên khơi thông để thuyền-bè qua lại được thuận-tiện ; nếu có nơi nào đã bị lấp đi, phải trở thông để khơi-phục lại con đường

thủy đó ; không được bưng-bít để chiếm lam ao hồ riêng mà có tội.

第二十四條：

山林川澤溪港漁梁等處非原祖業所有當與衆共不得占爲己私不與人同

Phiên âm

Đệ nhị thập tứ điều :

Sơn lâm xuyên trạch khe cãng ngư lương đẳng xứ, phi nguyên tổ nghiệp sở hữu, đương dĩ chung cộng, bất đắc chiếm vi kỷ tư, bất dĩ nhân đồng.

Dịch nghĩa

Điều thứ 24 :

Các khu rừng núi, sông ngòi, khe lạch v. v... vốn không phải là tài-sản của tiên-tổ để lại riêng cho một ai, mà lại là của chung để cho tất cả mọi người đồng hưởng, thời không được chiếm-đoạt làm vật riêng và không cho người khác chung hưởng nguồn lợi ấy.

第二十五條：

社村長當擇良家子弟識字才幹年已及格衆所推服者爲之不可以錢財酒肉之故保置非人并結爲朋黨別立村甲及生嫌隙違者抵罪

Phiên âm

Đề nghị thập ngũ điều :

Xã thôn trưởng đương trách lương gia tử đệ, thức tự tài cán, niên dĩ cập cách chúng sở suy phục giả vi chi, bất khả dĩ tiền tài tửu nhục chi cố, bảo trí phi nhân, tính kết vi bằng đảng, biệt lập thôn giáp, cập sinh hiềm khích, vi giả dẽ tội.

Dịch nghĩa

Điều thứ 25 :

Chức xã - trưởng, thôn - trưởng phải lựa chọn con nhà tử-tế, biết chữ, có tài, tuổi phải hợp cách, phải được dân chúng mến phục, hãy trao cho làm. Không được vì tiền tài, rượu thịt mà tuyển lựa kẻ gian phi ; không được rủ nhau kết thành bè phái, biệt lập thôn giáp và sinh chuyện hiềm - khích. Kẻ nào trái lệnh sẽ bị trừng - trị.

第二十六條：

爲人當恪勤生業使衣食有餘得以仰事俯育供其徭役不可惰其四肢以致貧薄肆行盜劫以取罪戾

Phiên âm

Đệ nhị thập lục điều :

Vi nhân đương khac cần sinh nghiệp, sử y thực hữu dư, đắc dĩ ngưng sự phủ dục, cung kỳ đao dịch, bất khả nọa kỳ tứ chi, dĩ trí bản bạc, tứ hành đao kiếp, dĩ thủ tội lệ.

Dịch nghĩa

Điều thứ 26 :

Làm người phải chăm-chỉ làm ăn, khiến cho đồ ăn thức mặc có thừa, có thể phụng dưỡng cha mẹ, nuôi nấng con cái, và chỉ dùng khi có việc « đao - dịch » (việc công); chớ để chân tay rảnh-rang mà đến nỗi lâm vào cảnh túng-bần, rồi sinh ra làm bậy, ăn trộm ăn cướp, thời có tội.

*
* . *

第二十七條：

爲人當以儉約爲先如有祈福嫁娶喪祭等禮其

盤饌飲食務要適中不可競爲花美富者欲以勝人貧者欲以企及致賣田產以傷生業自致貧困

Phiên âm

Đệ nhị thập thất điều :

Vi nhân dương dĩ kiện ước vi tiên, như hữu kỳ phúc giá thú tang tế đẳng lễ, kỳ bản soạn âm thực, vụ yếu thích trung, bất khả cạnh vi hoa mỹ. Phú giả dục dĩ thắng nhân, bản giả dục dĩ xí cập, tri mại điền sản, dĩ thương sinh nghiệp, tự trí bản khốn.

Dịch nghĩa

Điều thứ 27 :

Làm người trước hết phải tằn-tiện ; nếu có việc cầu phúc, cưới xin; tang-tế v. v... cô-bản, ăn- uống nên làm cho thích-trung (vừa phải), không nên đua đòi mà làm cho thật linh-dinh, hoa-mỹ ; người giàu thì muốn làm cho được hơn người ; người nghèo thì muốn làm sao cho được bằng người ; đến nỗi mà phải bán cả điền-sản, tổn hại đường sinh nghiệp, tự kiếm lấy phận nghèo nàn.

* * *

第二十八條：

爲人當遵理常守不可倚托權勢出入公門言人善惡囑托詞訟規取財物違者抵罪

Phiên âm

Đệ nhị thập bát điều :

Vì nhân dương tuân lý thường thủ, bất khả ý thác quyền thế, xuất nhập công môn, ngôn nhân thiện ác, chức thác từ tụng, qui thủ tài vật, vi giả dễ tội.

Dịch nghĩa

Điều thứ 28 :

Làm người phải tôn-sùng đạo-lý và noi theo luân thường. Chớ nên ý-thác quyền-thế, ra vào nơi công-môn, nói kẻ thiện người ác ; nhờ cậy việc từ-tụng để mưu toan sang đoạt tài-sản của người, kẻ nào trái luật sẽ bị tội.

*
* * *

第二十九條：

爲人當由正道勿爲姦險若爭產鬪毆等事故將老弱病疾懷孕之人陰圖致死及墮胎嫁禍諸人然奸詐情狀卒不可掩終陷刑戮

Phiên âm

Đệ nhị thập cửu điều :

Vì nhân dương do chính đạo, vật vi gian hiểm.

nhược tranh sản đấu ầu đẳng sự, cố tương lão nhược bệnh tật hoài dựng chi nhân, âm đồ tri tử, cập trụ thai giá họa chư nhân, nhiên gian trá tình trạng tốt bất khả yếm, chung hãm hình lục.

Dịch nghĩa

Điều thứ 29 :

Làm người phải noi theo đường chính, chớ nên có lòng gian - hiểm ; nếu gặp chuyện tranh - dành tài-sản hay ầu-dã, cãi-lộn v. v... mà mang người già, kẻ ốm yếu hay đàn bà có chữa ra âm-muru hãm-hại hay làm đoạ thai, xong đem tội đổ cho người khác ; những tình-trạng mau-trá ấy sẽ không thể nào che đậy được lâu và rút-cục rồi cũng bị sa lưới lục hình.

*
* * *

第三十條：

為人有三綱五常之道不可惑於異端某人
有年老恭奉勅旨今旨嘉旨并勸合始得奉事本寺香
火其餘女不得托為僧尼避居佛寺咱隨替腰非類
逃避租稅修行薄惡有傷風化某社有此等人一切
勒回本貫各勤生業若某社徇情隱匿容縱不引告
者一切治罪

Phiên âm

Đệ tam thập điều :

Vi nhân hữu tam cương ngũ thường chi đạo, bất khả hoặc ư dị đoan, mô nhân hữu niên lão cung phụng sắc chỉ lệnh chỉ gia chỉ, tính khám hợp thủy đặc phụng sự bản tự hương hỏa, Kỳ dư nữ bất đặc thác vi tăng ni tị cư phật tự, thỉnh tùy cổ tâu phi loại đào tị tô thuế tu hành bạc ác, hữu thương phong hóa. Mô xã hữu thử đẳng nhân, nhất thiết lạc hồi bản quán, các cần sinh nghiệp. Nhược mô xã tuân tình ăn nặc dung túng bất dẫn cáo giả, nhất thiết trị tội.

Dịch nghĩa

Điều thứ 30 :

Làm người thì phải có đạo cương-thường; không được mê-tin dị-đoan. Chỉ những người đã có tuổi và đã từng được vua ban sắc-chỉ, lệnh-chỉ, gia-chỉ (lời khen) và đã qua kỳ sát hạch mà hợp cách, mới được coi sóc việc hương-hỏa ở ngôi chùa làng; ngoài họ ra, còn những phụ nữ khác không được mượn tiếng tăng-ni để đến ẩn trú nơi đền chùa; không được để cho tụi mù lòa, gian phi trốn tránh thuế má, những người tu-hành bạc ác, có hại tới nền phong hóa đến ăn náu. Xã nào có những hạng người như vậy, đều phải đuổi hết về nơi nguyên quán, để cho ai nấy cần-cù sinh nhai.

Nếu xã nào mà thuận tình dung túng, không dẫn đi trình đều bị trị tội.

*
* *

第三十一條：

為人當平居善俗不可教唆詞訟曲直變術黑白欲售奸計規得財貨然事情顯露身陷刑辟并有假作宗親自為伴訟得便教唆如此之類甚為可惡有必改之若不能改必取罪戾

Phiên âm

Đệ tam thập nhất điều :

Vi nhân đương bình cư thiện tục, bất khả giáo toa từ tụng khúc trực biến huyền hắc bạch, dục thụ gian kế, qui đặc tài hóa, nhiên sự-tình hiển lộ, thân hãm hình tích, tình hữu giả tác tôn thân, tự vi bạn tụng đặc tiện giáo toa. Như thứ chi loại, thậm vi khả ố, hữu tất cải chí, nhược bất năng cải, tất thủ tội lệ.

Dịch nghĩa

Điều thứ 31 :

Làm người phải ăn ở cho hòa-hảo, và noi theo phong-tục tốt, chớ nên thúc-dẩy (kẻ khác) kiện-tụng

nhau, bẻ ngay hóa queo, nói đen hóa trắng, những muốn hiển mưu kế gian, đề sang đoạt tài-sản của người ngay ; nhưng rồi sự thật sẽ hiển-lộ và thân mình sẽ bị hình phạt. Lại còn những kẻ giả vờ nhận họ nhận hàng, tự tiện ra bồi kiện để có cơ-hội sui khiến kiện tụng, những loại người như thế thật là khả ố, nếu có thời nên tự mình tu sửa, bằng không sẽ phải chịu tội.

* * *

第三十二條：

爭訟之事出於不得已不可懷怨誣語陷良善以人細過羅織狀訟妄行告訴及以私怨作匿名書詩歌譏諷粘在橋梁道路嫁禍於人自取重罪。

Phiên âm

Đệ tam thập nhị điều :

Tranh tụng chi sự xuất ư bất đắc dĩ, bất khả hoài oán vu ngữ hãm lương thiện, dĩ nhân tế quá, la chức trạng tụng, vọng hành cáo tố, cập dĩ tư oán tác nặc danh thư thi ca cơ phúng, niêm tại kiều lương đạo lộ, giá họa ư nhân, tự thủ trọng tội.

Dịch nghĩa

Điều thứ 32 :

Những việc tranh-tụng, là do sự bất-đắc-dĩ mà sinh

ra thời, chớ nên chỉ vì thù giận nhau mà dặt điều vu oan cho người lương thiện, hay là đem những lỗi lầm nhỏ mọn thêm dặt thêm vào làm thành một bản trạng-tụng mà kiện cáo nhau ; hoặc đem những mối oán thù riêng tư, viết thơ nặc danh, hay làm thành bài ca bài hát ché - bai mai-mĩa, rồi đem dán ở những nơi cầu cống, đường lối, vu oan giá họa cho người. Như thế là tự mình buộc lấy tội nặng vào thân đó.

* * *

第三十三條：

爲商賈當隨其辰價貿易有無不可變易斗升衡秤尺度規得小益如舟行則謹其宿泊陸行則擇其止居不可托爲販賣相聚徒黨夜間隙伺以便夜盜違者許見知人捉送所任司官治罪

Phiên âm

Hệ tam thập tam điều :

Vi thương mại đương tùy kỳ thời giá mậu dịch hữu vô, bất khả biến dịch dầu thăng hành xức xích độ, qui đặc tiểu ích. Như chu hành tắc cần kỳ túc bạc, lục hành tắc trạch kỳ chỉ cư ; bất khả thác vi phản mại, tương tự đồ đảng, giá gian khích từ dĩ tiện dạ đạo, vi giả hứa kiến tri nhân tróc tổng sở nhiệm ty quan trị tội.

Dịch nghĩa

Điều thứ 33 :

Thương-gia nên tùy theo thời giá, buôn nơi có bán nơi không ; không được biến hình đổi rạng những đầu, thăng, quả cân, cây thước, để kiếm thêm lời. Nếu đi thuyền nên cẩn-thận chọn bến đậu thuyền lại trú nghỉ ; nếu đi đường bộ, nên cẩn thận trong việc chọn nơi trú-trợ ; không được giả dạng là đi buôn bán rồi tụ họp đồng-đảng, đêm đến đi rình mò trộm cướp. Kẻ nào trái luật này, cho phép những người biết hay trông thấy bắt lấy nộp lên quan để trị tội.

* * *

第三十四條：

社村橋梁道路弊漏頽壞者即隨便相率修葺培築以便往來不得留廢以致妨阻違者抵罪

Phiên âm

Đệ tam thập tứ điều :

Xã thôn kiều lương đạo lộ tệ lậu đỗi hoại giả, tức tùy tiện tương suất tu tập bởi trúc dĩ tiện vãng lai, bất đắc lưu phế dĩ tri phương trở, vi giả đề tội.

Dịch nghĩa

Điều thứ 34 :

Trong xã, thôn, nếu có cầu-cống, đường-xá nào hư hỏng lỗi-làn, nên tùy tiện bảo nhau góp sức vào mà tu-sửa bồi - đắp để tiện cho sự đi lại ; không được bỏ phế để trở ngại sự lưu thông. Ai vi phạm, sẽ bị tội.

* * *

第三十五條：

凡經史子集及文章有裨於世教者方可刊板通行若道釋異端邪說諸書並國諸傳及歌詩涉於淫蕩者不可刊板印刻以傷風化

Phân âm

Hệ tam thập ngũ điều :

Phạm kinh sử tử tập cập văn chương hữu ti ư thể giáo giả, phương khả san bản thông hành. Nhược đạo thích dị đoan tà thuyết chư thư, tịnh quốc chư truyện cập ca thi thiệp ư dâm dăng giả, bất khả san bản ấn khắc dĩ thương phong hóa.

Dịch nghĩa

Điều thứ 35 :

Phạm những kinh - sử, tử-tập và những áng văn-

chương có ích cho việc giáo-hóa trên đời, thì mới được khắc bản in chữ cho thông hành. Còn những điều dị-đoan về đạo giáo, thích giáo, hay những sách về tà-thuyết, những chuyện cổ-truyền phi lý, những ca-thi dính líu tới chuyện dâm - ô, đều không được khắc bản in chữ mà tổn thương tới nền phong-hóa.

* * *

第三十六條：

為吏當循其常分勉其當為修簿牒則戒其顛倒
應務則懲其怠惰不得競逐刀筆弄智舞文罔知廉恥
違者許該衙門官小則朴教痛懲大則糾舉治罪

Phiên âm

Đệ tam thập lục điều :

Vi lại đương tuân kỳ thường phận, miễn kỳ đương
vi, tu hạ điệp tắc giới kỳ điền đảo, ứng vụ tắc trùng
kỳ đãi nọa, bất đắc cạnh trực đao bút, lộng tri vũ văn,
võng tri liêm sĩ, vi giả hứa cai nha môn quan, tiều tắc
phác giáo thống trùng, đại tắc củ củ trị tội.

Dịch nghĩa

Điều thứ 36 :

Quan-lại phải noi theo bổn phận thường xuyên mà

làm và cố gắng tu sửa công việc. Sổ sách tường trình, phải tránh sự xáo lộn ; trong khi phục vụ phải trung-trị kẻ nào lười biếng, không được đuổi theo đao bút, đua trí vũ-văn mà quên cả liêm sỉ. Kẻ nào phạm tội, cho phép quan nha bắt để xử ; tội nhẹ thì phạt roi, tội nặng thì cách chức và nghiêm trị.

* * *

第三十七條：

凡歷代陵廟并功臣祠墓不得斬伐竹木故縱牛羊踐踏破壞及古人墳墓無人承認者當存舊跡不可破壞有干者引呈治罪

Phiên âm

Đệ tam thập thất điều :

Phàm lịch đại lăng miếu tinh công thần từ mộ, bất đắc trảm phạt trúc mộc, cố túng ngưu dương tiên đập phá hoại, cạp cỏ nhân phần mộ vô nhân thừa nhận giả, đương tổn cụ tịch, bất khả phá hoại, hữu can giả dẫn trình trị tội.

Dịch nghĩa

Điều thứ 37 :

Phàm các lăng miếu của các triều đại, các từ

đường, phần mộ của các vị công thần, thời không được chặt phá cây cối (mọc ở trên các nơi đó); không được thả trâu bò để chúng dầy đạp phá-hoại; những mồ-mả của cổ-nhân, dù rằng không có ai nhìn nhận cũng phải giữ lấy di - tích, không được phá hoại. Kẻ nào xâm phạm tới, nên bắt dẫn trình quan để trị tội.

* * *

第三十八條：

凡佛寺浮屠皆無益之事係有名藍原額弗禁若某鄉村無原額佛寺不得私自構作勞人費財違者抵罪

Phiên âm

Đệ tam thập bát điều :

Phàm phật tự phù đồ giai vô ích chi sự, hệ hữu danh lam nguyên ngạch phất cấm, nhược mỗ hương thôn vô nguyên ngạch phật tự, bất đắc tự tự cấu tác, lao nhân phí tài, vi giả đề tội.

Dịch nghĩa

Điều thứ 38 :

Phàm những nơi phật-tự đã trả (đã danh thờ phật để kiếm lợi) đều là những sự vô-ích. Nếu vốn sẵn là nơi

đanh lam cũ, thời không cấm ; nhưng nếu làng nào vốn không sẵn có đền chùa nguyên ngạch, thời không được tự kỷ xây dựng, khiến cho người làng phải khó nhọc và làm hao lổn tiền tài của cải. Kẻ nào vi phạm sẽ bị tội.

第三十九條：

爲人有姓氏所以別族類不可冒稱前朝世家子孫假立宗派文憑并買取囑書結立証借妄爭他人田土違者抵罪

Phiên âm

Đệ tam thập cửu điều :

Vi nhân hữu tính thị, sở dĩ biệt tộc loại, bất khả mạo xưng tiền triều thế gia tử tôn, giả lập tôn phái văn bằng, tính mai thủ chúc thư kết lập chứng tá, vọng tranh tha nhâu điền thổ, vi giả đê tội.

Dịch nghĩa

Điều thứ 39 :

Làm người vốn có họ và tên ; cho nên người thuộc gia-tộc khác, không được mạo xưng là con cháu của các nhà gia-thế triều trước, tạo lập các văn-bằng

giả mạo của tôn phái đó, kiếm mua chức thư, kết-lập chứng - thư vay mượn, để mà lừa đảo tranh cướp ruộng đất của người khác. Ai mà trái luật, sẽ bị trọng tội.

* * *

第四十條：

爲人死生有命禍福惟其所召不可偏咱巫覡之徒托以鬼神怪誕之事并男女不得假爲巫覡妄言禍福以惑世誣民違者許社村長引呈該門官區處若村社長徇情容縱者一体治罪

Phiên âm

Đệ tứ thập điều :

Vi nhân tử sinh hữu mệnh, họa phúc duy kỳ sở triệu, bất khả thiên tình vu hích chi đồ, thác dĩ qui thân quái dân chi sự ; tính nam nữ bất đắc giả vi vu hích vọng ngôn họa phúc, dĩ hoặc thể vu dân, vi giả hứa xã thôn trưởng dẫn trình cai môn quan khu xử, nhược thôn xã trưởng tuần tình dung túng giả, nhất thể trị tội.

Dịch nghĩa

Điều thứ 40 :

Người ta sống chết đều do số mệnh định trước ;

họa phúc cũng đều tại số cả. Chớ nên quá tin ông đồng bà cốt, bịa đặt ra những chuyện quỷ quái không đầu. Nam nữ không được giả mạo đồng cốt, nói chuyện họa phúc xằng bậy, để dụ dỗ mê hoặc người đời. Kẻ nào vi phạm, cho phép trưởng thôn trưởng xã dẫn trình quan nha nơi đó để xử xét; nếu thôn trưởng xã trưởng cổ tinh dung-túng thì cũng bị trừng phạt cả thể.

*
* * *

第四十一條：

喪家中元節當循家體不可托以吊輓竟爲歌唱
以革弊俗回純風敢有違者治以重罪

Phiên âm

Đệ tứ thập nhất điều :

Tang gia trung nguyên liết dương tuần gia thể,
bất khả thác dĩ điếu văn cánh vi ca xướng, dĩ cách
tệ tục hồi thuần phong, cảm hữu vi giả trị dĩ trọng tội.

Dịch nghĩa

Điều thứ 41 :

Tang gia, gặp tiết Trung-Nguyên, nên giữ theo gia-

thê không được dựa vào có điều tang để mà hát xướng; phải sửa đổi cải-cách những tệ-tục để duy-trì lấy thuần-phong. Ai làm trái luật này sẽ bị tội nặng.

* * *

第四十二條：

軍民家奴等人如見官員所當敬畏如坐則起行則趨不得謂非該管非家主而有傲慢之心違者依法律治

Phiên âm

Đệ tứ thập nhị điều :

Quân dân gia nô đẳng nhân, như kiến quan viên sở đương kính úy, như tọa tắc khởi, hành tắc xu, bất đắc vị phi cai quản phi gia chủ, nhi hữu ngạo mạn chi tâm, vi giả y pháp luật trị.

Dịch nghĩa

Điều thứ 42 :

Quân lính, dân làng và gia nô v. v... nếu gặp cấp quan phải biết kính nể ; nếu đang ngồi thì phải đứng dậy, đang đi thì phải rảo bước (mà nhường lối đi). Không được nghĩ rằng vì không thuộc quyền cai-quản

của vị quan ấy hay vị gia chủ ấy, mà ra vẻ khinh
nhờn. Kẻ nào phạm lỗi sẽ trừng trị theo pháp luật.

*
* *

第四十三條：

天下各鎮官員軍民不得誑誘人口專賣他國以
取財貨違者許見知員人捉送治罪

Phiên âm

Đề từ thập tam điều :

Thiên hạ các trấn quan viên quân dân bất đắc
cưỡng dụ nhân khẩu, chuyên mại tha quốc dĩ thủ tài
hóa, vi giả hứa kiến tri viên nhân tróc tống trị tội.

Dịch nghĩa

Điều thứ 43 :

Các quan viên và dân quân các trấn không được
lừa dối dụ dỗ nhân dân để di chuyển họ ra ngoại quốc,
bán (họ) để lấy tiền bạc của cải. Nhân viên nào trông
thấy hay biết chuyện được phép bắt kẻ vi-phạm nộp
quan để trị tội.

*
* *

第四十四條：

夫婦人倫之本婚嫁當循常禮不可計較貧富多索財物其配室當別屬族不得貪其富貴胥相亂倫并不可無禮苟合近於禽獸係本貫別社並許欄街禮古錢一貫酒一坪其本社村官員并另兵等不得托以娶夫別貫索取欄街錢禮過多并賞標錢及混同劫分寡居婦女爲妻妾違者論罪

Phiên âm

Đệ tứ thập tứ điều :

Phu phụ nhân luân chi bản, hôn giá đương tuân thường lễ, bất khả kế điều bản phú, đa sách tài vật, kỳ phối thất đương biệt thuộc tộc, bất đắc tham kỳ phú quý, tư tương loạn luân, tính bất khả vô lễ cầu hợp, cận ư cầm thú, hệ bản quán biệt xã, tính hứa lan-nhai lễ cổ tiền nhất quán, tửu nhất bình, kỳ bản xã thôn quan viên tính lính binh đẳng, bất đắc thác dĩ thú phu biệt quán, sách thủ lan nhai tiền lễ quá đa, tính thưởng phiêu tiền, cấp hôn đồng kiếp phân quả cư phụ nữ vi thê thiếp, vi giả luận tội.

Dịch nghĩa

Điều thứ 44 :

Vợ chồng là căn - bản của đạo nhân - luân. Việc cưới xin nên giữ theo lễ thường ; không nên tính-

toán so-bì nghèo giàu mà thách thức tài vật. Vợ chồng phải thuộc hai gia-tộc khác nhau ; không được vì lòng tham phú quý, mà cùng nhau loạn luân. Và cũng phải tránh sự cầu-hợp ; nếu không chú trọng đến lễ nghi, thời có khác gì loài cầm thú vậy. Dù lấy người cùng làng hay lấy người ở xã khác, đều cho phép thâu lấy một quan tiền và một bình rượu gọi là lễ lan-nhai (tiền nộp cho làng). Những quan viên, tuần linh trong làng, không được lấy có là cưới người quán khác mà đòi bắt nộp nhiều tiền lan-nhai cùng tiền thưởng. Lại không được theo thói cũ, hỗn-đồng mà ức-hiếp góa phụ, chia nhau làm thê làm thiếp. Ai trái sẽ nghị tội.

* * *

第四十五條：

居鄉黨宗族有窮困必相周恤有疾病必相扶持
若死喪當相救助隨家豐儉不可要索盤饌亦不得拘
以舊俗世常而脅賣彼家妻子田土或致竭產以致貧
漂并水火盜賊宜盡力救護不可恬然坐視以妨仁厚
之俗違者抵罪

Phiên Âm

Đệ tứ thập ngũ điều :

Cư hương đảng tôn tộc hữu cùng khốn tất tương

chu tuất, hữu tật bệnh tất tương phù tri, nhược tử táng dương tương cứu trợ, tùy gia phong kiệm, bất khả yêu sách bản soạn, diệc bất đắc câu dĩ cựu tục thể thường, nhi hiếp mai bỉ gia thê tử điền thổ, hoặc tri kiệt sản, dĩ tri bản phiêu, tinh thủy hỏa đạo tặc, nghi tận lực cứu hộ bất khả diêm nhiên tọa thị, dĩ phương nhân hậu chi tục, vi giả đề tội.

Dịch nghĩa

Điều thứ 45 :

Người cùng một làng hay cùng một tôn tộc, thấy ai nghèo khổ thì nên cứu-mang, thấy người bình-tật thì nên giúp đỡ thuốc thang. Nếu nhà nào có tang tế, nên bảo nhau đến giúp đỡ ; tùy gia phong kiệm, chớ nên đòi hỏi cỗ bàn rượu chè ; cũng không được bắt họ phải tuân theo cỗ tục, thường lệ, và ức hiếp tang gia đến phải bán vợ con, ruộng đất hay làm cho họ vong gia bại sản, và hết đường sinh-sống. Nếu có việc thủy, hỏa, trộm cướp, thời phải hết sức cứu giúp lẫn nhau ; không được diêm-nhiên ngồi xem, mà phương hại tới nền phong-tục nhân hậu. Ai phạm tội sẽ chịu sự trừng phạt.

第四十六條：

凡居民必有鄰費相親相睦不可彼此疆界間耕
同田不可索取標錢并托以執水放火而斂取禾穀以
厚民俗違者抵罪

Phiên âm

Đệ tứ thập lục điều :

Phàm cư dân tất hữu lân, qui tương thân tương
mục, bất khả bỉ thử cương giới, gián canh đồng điền bất
khả sách thủ phiêu tiền, tính thác dĩ chấp thủy phóng
hỏa nhi liêm thủ hòa cốc, dĩ hậu dân tục, vi giả đề tội.

Dịch nghĩa

Điều thứ 46 :

Phàm dân cư trong làng xóm, đều có lân-bang ;
phải nên tương thân, tương mục mới là quý, không
nên xâm lấn giới-hạn của nhau, có khi cùng làm một
ruộng với nhau thời chớ nên đòi hỏi tiền-nong, hoặc
vin vào sự chấp thủy (giữ nước) phóng hỏa (buông
lửa) (1) để má thâu lượm nhiều thóc lúa của người
ta. Phải tránh những điều đó để đề cao và duy-trì
phong-tục. Ai vi phạm sẽ bị tội.

CHÚ THÍCH : (1) Có lẽ là phóng thủy nghĩa là tháo nước.

第四十七條：

居坊社村鄉間當秉心正直不可肆其貪橫如鷄豚禾穀柴筍花菓等物係非已有不得擅竊以取罪戾

Phiên âm

Đệ tứ thập thất điều :

Cư phường xã thôn hương gian, đương bình tâm chính trực, bất khả tứ kỳ tham hoành, như kê đồn hóa cốc sài duãn hoa quả đẳng vật, hệ phi kỷ hữu, bất đắc nhượng thiết dĩ thủ tội lệ.

Dịch nghĩa

Điều thứ 47 :

Ở cùng phường xã thôn hương, phải giữ tấm lòng chính trực, không được tham-lam mà làm càn ; những lợn gà, thóc lúa, củi, măng, hoa quả, cùng những vật mà không phải của mình thì không được lấy cắp, để buộc lấy tội vào mình.